

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu người lao động	15.870.560	11.811.871
Các khoản chi hộ	1.876.790.980	2.276.093.455
Tạm ứng cho nhân viên	5.286.996.192	5.305.572.372
Phải thu từ Công ty Cổ phần Mua bán điện (*)	-	98.160.494.316
Phải thu khác	1.026.652.105	1.006.768.173
	8.206.309.837	106.760.740.187

(*) Khoản phải thu khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Mua bán điện phản ánh doanh thu bán điện trong giai đoạn chạy thử của dự án công trình thủy điện Ngòi Phát.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	82.348.832	-	-	-
Công cụ và dụng cụ	5.844.325.983	-	-	-
	5.926.674.815	-	-	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện VND		Thiết bị văn phòng VND		Máy móc và thiết bị VND		Phương tiện vận chuyển VND		Tổng cộng VND	
	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.407.830.000.000	-	-	-	-	-	562.190.000.000	-	1.970.020.000.000	-
Số dư cuối kỳ	1.407.830.000.000	-	66.050.958	-	329.611.934	-	1.344.653.032	39.950.000	1.740.315.924	39.950.000
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	-	-	66.050.958	-	289.296.781	-	1.024.948.268	84.568.295	1.380.296.007	34.525.039.577
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	14.328.328.425	-	84.568.295	-	34.525.039.577	-
Số dư cuối kỳ	-	-	66.050.958	-	14.617.625.206	-	1.109.516.563	-	35.905.335.584	-
Giá trị còn lại										
Số dư đầu kỳ	1.387.717.857.143	-	-	-	40.315.153	-	319.704.764	275.086.469	360.019.917	360.019.917
Số dư cuối kỳ	1.387.717.857.143	-	-	-	547.901.986.728	-	275.086.469	1.935.894.930.340	1.935.894.930.340	1.935.894.930.340

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 721 triệu VND (1/1/2015: 721 triệu VND).
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát chuyển sang tài sản cố định hữu hình từ xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là 486.504 triệu VND khi các cố động chưa góp đủ vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại Đường Thủy Hoa, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Số dư đầu kỳ	1.867.447.381.354	1.350.242.716.519
Tăng trong kỳ	103.526.239.135	517.204.664.835
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	7.596.295.065	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (*)	(1.970.020.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	8.549.915.554	1.867.447.381.354

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án. Giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát sẽ được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, các hồ sơ quyết toán vẫn chưa được hoàn thiện.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	271.601.217	1.859.169.067.017
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.090.637.636	2.090.637.636
Công trình Thủy điện Chu Linh – Cốc San (*)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sử Pán (*)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (*)	1.450.000.000	1.450.000.000
Số dư cuối kỳ	8.549.915.554	1.867.447.381.354

(*) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh – Cốc San, Sử Pán, Tà Thàng với tổng số tiền là 6.187 triệu VND đã được Vinaconex thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Các khoản chi phí này sẽ được điều chỉnh khi có quyết định của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán Dự án Thủy điện Chu Linh – Cốc San (*)	2.938.961.039	2.938.961.039
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán – Dự án Thủy Điện Ngòi Phát	-	7.596.295.065
Chi phí thiết bị văn phòng	1.347.869.213	23.713.419
	4.286.830.252	10.558.969.523

(*) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh – Cốc San đã được Vinaconex thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Các khoản chi phí này sẽ được điều chỉnh khi có quyết định của Hội đồng Quản trị của Công ty.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimenco	33.552.399.016	33.552.399.016	29.982.262.161	29.982.262.161
Công ty TNHH tư nhân Andritz Hydro	26.262.598.067	26.262.598.067	22.274.338.788	22.274.338.788
Công ty TNHH Xây dựng và lắp đặt thủy điện tỉnh Triết Giang	24.567.691.077	24.567.691.077	24.567.691.077	24.567.691.077
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	10.314.860.027	10.314.860.027	13.887.490.766	13.887.490.766
Các nhà cung cấp khác	26.563.512.579	26.563.512.579	32.017.943.946	32.017.943.946
	121.261.060.766	121.261.060.766	122.729.726.738	122.729.726.738

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	121.261.060.766	121.261.060.766	122.729.726.738	122.729.726.738

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	33.552.399.016	33.552.399.016	29.982.262.161	29.982.262.161
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	10.314.860.027	10.314.860.027	13.887.490.766	13.887.490.766
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	4.732.746.627	4.732.746.627	8.354.286.295	8.354.286.295
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.469.266.060	1.469.266.060	1.469.266.060	1.469.266.060
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại	440.488.463	440.488.463	1.027.316.157	1.027.316.157
	50.509.760.193	50.509.760.193	54.720.621.439	54.720.621.439

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.540.385.528	(5.772.313.988)	3.768.071.540
Thuế nhà thầu	-	388.667.419	-	388.667.419
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	(10.326.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.591.108)	-	(20.562.869)	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	(6.820.905)	366.432.960	(295.733.518)	63.878.537
Thuế tài nguyên	5.462.248.239	8.660.935.936	(8.622.241.069)	5.500.943.106
	5.430.510.181	18.956.421.843	(14.710.851.444)	9.676.080.580

Trong đó:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(45.480.022)	(31.738.058)
Thuế phải nộp Nhà nước	9.721.560.602	5.462.248.239
	9.676.080.580	5.430.510.181

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Lãi vay phải trả	13.397.971.982	26.152.042.285
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình	66.519.574.086	-
	79.917.546.068	26.152.042.285

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	120.905.467.106	120.905.467.106	-	(89.147.467.106)	31.758.000.000	31.758.000.000
	121.405.467.106	121.405.467.106	-	(89.147.467.106)	32.258.000.000	32.258.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Công ty Cổ phần Vimeco	Loại tiền VND	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
	VND	14%	500.000.000	500.000.000

Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kết ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimeco, với số tiền vay là 500 triệu VND. Khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 14 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được gia hạn. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Công ty và Công ty Cổ phần Vimeco đã thỏa thuận thanh toán khoản vay này cùng với các khoản phải trả người bán đối với Công ty Cổ phần Vimeco khi hồ sơ quyết toán các công trình do Công ty Cổ phần Vimeco làm chủ thầu cho Công ty được hoàn thiện và phê duyệt.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả khác – ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	8.561.520	234.330.272
Bảo hiểm xã hội	148.061.366	1.652.727
Bảo hiểm y tế	51.369.120	275.455
Bảo hiểm thất nghiệp	2.853.840	91.818
Các khoản phải trả khác	3.644.830.572	28.140.934.182
	<hr/>	<hr/>
	3.855.676.418	28.377.284.454

(b) Phải trả khác – dài hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	231.000.000	210.000.000
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải trả cho công ty mẹ	629.417.527	25.957.226.776
Phải trả các công ty liên quan khác	33.423.282	33.423.282
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	1.396.980.871.513	1.410.445.024.057
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(31.758.000.000)	(120.905.467.106)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.365.222.871.513	1.289.539.556.951

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.038.626.071.513	1.059.114.671.057
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	358.354.800.000	351.330.353.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				1.396.980.871.513 (31.758.000.000)	1.410.445.024.057 (120.905.467.106)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.365.222.871.513	1.289.539.556.951

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03.2015/PL với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 01/2008/NEDI2-SGD/HDTDDH ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục này sửa đổi thời gian thanh toán nợ gốc của Hợp đồng này thành 52 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 3 tháng, kỳ đầu tiên sẽ được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do số kỳ thanh toán nợ gốc và số tiền thanh toán từng kỳ thay đổi, khoản vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã giảm so với ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Vay quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2015		1/1/2015	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay ngắn hạn – Công ty Cổ phần Vimeco (*)	500.000.000	195.286.000	500.000.000	149.800.000

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí phải trả cho khoản vay quá hạn từ Công ty Cổ phần Vimeco lần lượt là 195 triệu VND và 150 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đổi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	353.296.507.633	10.642.450.000	8.607.542.231	1.589.839.269	374.136.339.133
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	59.043.407	59.043.407
Chênh lệch tỉ giá	-	-	19.323.353	-	19.323.353
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	353.296.507.633	10.642.450.000	8.626.865.584	1.648.882.676	374.214.705.893
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.146.453.299	1.146.453.299
Chênh lệch tỉ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	-	2.884.843.391	428.823.801.024

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	454	9.681.347	487	10.389.848

21. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	71.983.194.531	-
Chi phí tài chính khác	10.586.636.888	8.828.178
	82.569.831.419	8.828.178

23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	832.356.511	-
Chi phí nhân công	7.534.863.935	-
Chi phí khấu hao	34.525.039.577	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.762.031.055	-
Chi phí khác	8.720.532.348	-

24. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành	-	16.653.268

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.146.453.299	75.696.675
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	252.219.726	16.653.268
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.930.901	-
Ưu đãi thuế	(258.150.627)	-
	-	16.653.268

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư dự án được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 04 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính và giảm 50% thuế thu nhập trong 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 1.146 triệu VND (30/6/2014: 59 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 41.529.650 cổ phiếu (30/6/2014: 35.329.650 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho	
	giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Số tiền vay nhận trong kỳ	-	72.000.000.000
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	10.580.652.401	8.266.254.872
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	34.992.938.026	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
Số tiền vay nhận trong kỳ	32.359.692.456	223.064.111.458
Số gốc vay trả trong kỳ	52.848.292.000	-
Công ty Cổ phần Vimeco		
Mua hàng	12.312.230.742	32.166.413.667
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7		
Mua hàng	4.804.873.655	20.983.845.827
Công ty Cổ phần Xây Dựng số 5		
Mua hàng	179.283.700	23.356.628.496
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại		
Mua hàng	1.343.704.043	1.190.773.298
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	624.708.645	663.018.052

Người lập:

Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Ung Hồng Vận
 Giám đốc